TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỘC HÓA** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:12/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 12/10/2017
V/v "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC HÓA, TỈNH LONG AN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Việt Hải.

Bà Nguyễn Thị Kim Đảm.

-Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Thùy-Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2017/TLST-HNGĐ ngày 13/9/2017 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/9/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Võ Thị T1**, sinh năm 1995.
Địa chỉ: Ấp 1, xã B, huyện M, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Minh T2**, sinh năm 1991.
Địa chỉ: Ấp 1, xã B, huyện M, tỉnh Long An.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu trong quá trình giải quyết vụ án thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn-bà Võ Thị T1 trình bày: Vào năm 2017 bà với ông T2 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện M, tỉnh Long An. Thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc được 28 ngày thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T2 không tôn trọng bà nên bà về nhà cha mẹ ruột sống ly thân cho đến nay. Bà T1 xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với ông T2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn-ông Nguyễn Minh T2 trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bà Tơ về quá trình tìm hiểu, kết hôn và mâu thuẫn với nhau, sống ly thân. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà T1 chưa muốn có con. Ông xác định vẫn còn tình cảm với bà T1 nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự. Nhưng các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị T1 và ông Nguyễn Minh T2 thuận tình ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Ông T2 yêu cầu bà T1 phải trả lại toàn bộ số vàng mà gia đình ông cho vợ chồng trong đám hỏi và đám cưới tổng cộng là 05 chỉ vàng 24K. Bà T1 chỉ đồng ý trả cho ông T2 2,5 chỉ vàng 24K vì đây là tài sản chung của vợ chồng nên chia đôi.

Về nợ chung: Không có.

Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ thụ lý đến trước khi xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền thụ lý vụ án: thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Long An theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự, thu thập chứng cứ, phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải là đúng với quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tống đạt văn bản tố tụng, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện M đúng quy định; việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự thực hiện đúng theo các Điều 170, 173, 179 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định tại các Điều 63, 222, 223, 225, 234, 237, 239, 243 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án trước khi mở phiên tòa các đương sự đã chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của mình tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

- Quan hệ hôn nhân: Bà T1 với ông T2 có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa bà T1 và ông T2 thuận tình ly hôn. Do đó đề nghị công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà T1 với ông T2 là phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Con chung: Các đương sự đều khai không có.

- Nợ chung: Các đương sự đều khai không có.

- Tài sản chung: Tại phiên tòa ông T2 yêu cầu bà T1 trả cho ông 05 chỉ vàng 24K mà gia đình ông cho vợ chồng khi làm đám hỏi và đám cưới (đám hỏi 02 chỉ vàng 24K, đám cươi 03 chỉ vàng 24K). Xét thấy trong quá trình thụ lý đến trước khi mở phiên tòa thì bà T1, ông T2 không yêu cầu chia tài sản chung; do đó đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của ông T2 trong vụ án này. Ông T2 có thể khởi kiện yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn với bà T1 bằng vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà T1 khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông T2. Ông T2 đang cư trú tại ấp 1, xã B, huyện M, tỉnh Long An. Quan hệ pháp luật trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Bà T1 và ông T2 tự nguyện kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 20/2017 đăng ký ngày 07/6/2017 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện M, tỉnh Long An cấp nên hôn nhân giữa bà T1 và ông T2 là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa các đương sự đều xác định mục đích hôn nhân không đạt được nên các đương sự tự nguyện thuận tình ly hôn; con chung, nợ chung: các đương sự đều khai không có; bà T1 tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa là tự nguyện và phù hợp quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, sự thỏa thuận này không trái với các quy định pháp luật và đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử công nhận.

Đối với yêu cầu chia tài sản chung là 05 chỉ vàng 24K của ông T2 thì trong quá trình giải quyết vụ án ông T2 không yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng. Tại phiên tòa ông T2 mới yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Ông T2 có quyền khởi kiện bà T1 về chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn bằng vụ án khác.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T1 tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự số 92/2015/QH13;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị T1 và ông Nguyễn Minh T2 thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Các đương sự đều khai không có.

3. Về nợ chung: Các đương sự đều khai không có.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nộp ngân sách nhà nước, bà Võ Thị T1 tự nguyện chịu, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà T1 đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003129 ngày 13/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An. Bà T1 đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông T2 không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Mộc Hóa;
- Chi cục THADS huyện Mộc Hóa;
- UBND xã Bình Hòa Đông, huyện Mộc Hóa *(để ghi vào sổ hộ tịch)*;
- Lưu: hồ sơ vụ án; Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Thái